

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85B/2024/DS-ST

Ngày: 07 – 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị T

2. Ông Lê Văn C

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà M T - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST –DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, toà nhà Sailing Tower -111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn T hoặc ông Võ Văn T hoặc ông Trần Ngọc V hoặc ông Nguyễn Hoàng T; chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, toà nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, phường T, quận B, Thành phố H, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1988 và bà Hà Thị M, sinh năm 1990; cùng thường trú tại: Xóm 21, xã X, huyện t, tỉnh T; cùng tạm trú tại: 2F/3, khu phố Bình Đáng, phường B, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Hoàng Thái trình bày:

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là ngân hàng) ký kết với ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M Hợp đồng tín dụng số 9390536.19 ngày 31/10/2019 với nội dung ngân hàng cho khách hàng Trịnh Văn D và Hà Thị M vay số tiền 324.000.000 đồng; mục đích vay tiền để mua 1 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại I10, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 31/10/2026. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.9%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay tín dụng hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.1%/năm. Các bên thỏa thuận hàng tháng vào ngày 01 dương lịch trả 3,857,000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 01/12/2019. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 9390536(1).19 ngày 31/10/2019 với số tiền 324,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Khoản vay có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4475664.19 ngày 31/10/2019. Tuy nhiên ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này. Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 07/08/2024 ông D, bà M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 228.763.445 đồng, trong đó nợ gốc là 139.107.525 đồng, nợ lãi là 89.655.920 đồng.

Tính đến ngày 07/08/2024, dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 9390536.19 ngày 31/10/2019 của ông D và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 250.945.041 đồng, trong đó nợ gốc là 184.892.475 đồng, nợ lãi trong hạn 20.557.620 đồng, nợ lãi quá hạn 45.494.946 đồng, ngân hàng yêu cầu thanh toán số tiền này một lần ngay sau khi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông D, bà M còn phải tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 08/08/2024 theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho ông Trịnh Văn D và Hà Thị M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện: Hợp đồng tín dụng (bản chứng thực), đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (bản pho to); đơn yêu cầu cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân (bản pho to); chứng minh nhân (bản pho to); sổ hộ khẩu (bản pho to); giấy chứng nhận kết hôn (bản pho to); quyết định, giấy ủy quyền, điều lệ công ty (bản pho to).

Bị đơn – ông Trịnh Văn Duyên, bà Hà Thị M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông D và bà M không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng yêu cầu ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của các đương sự trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Nội dung vụ án:

Ngày 31/10/2019 giữa ngân hàng và ông D, bà M giao kết hợp đồng tín dụng số 9390536.19. Do ông D, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện thu hồi toàn bộ số tiền 250.945.041 đồng, trong đó nợ gốc là 184.892.475 đồng, nợ lãi trong hạn 20.557.620 đồng, nợ lãi quá hạn 45.494.946 đồng. Xét hợp đồng tín dụng số 9390536.19 là hợp pháp, ông D, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên yêu cầu của Quý tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài sản bảo đảm khoản vay xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, có số khung RLUG8S1DBKN042540, số máy G4LAKM370779, biển số 36A-454.82. Tuy nhiên ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ông D, bà M phải chi phí tố tụng 4.000.000 đồng và phải thanh toán lại số tiền này cho ngân hàng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà M phải chịu án phí đối với yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với bị đơn – ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 250.892.475 đồng, trong đó nợ gốc 184.892.475 đồng, nợ lãi trong hạn 20.557.620 đồng, nợ lãi quá hạn 45.494.946 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/8/2024 ông Trịnh Văn D và bà Hà Thị M còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 9390536.19 ngày 31/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Văn Dvà bà Hà Thị Mphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.554.623 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 5.033.767 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001731 ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trịnh Văn Dvà bà Hà Thị Mphải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 4.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị N